

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ 2

MÔN: TIẾNG ANH 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 phút

TT	Kỹ năng	Mức độ nhận biết								Tổng	
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
		Tỉ lệ	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)
1	Listening	10	3	5	3	5	2			20	8
2	Language	10	3	10	7					20	10
3	Reading	10	4	5	4	5	5			20	13
4	Writing	5	5	5	4	5	5	5	3	20	17
5	Speaking	5	5	5	2	5	3	5	2	20	12
Tổng		40	20	30	20	20	15	10	5	100	60
Tỉ lệ (%)		40		30		20		10		100	
Tỉ lệ chung (%)		70				30				100	

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ 2

MÔN: TIẾNG ANH 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 PHÚT

TT	Kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức								Tổng Số CH/ bài		
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
				TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
I.	LISTENING	1. Nghe một đoạn hội thoại/ độc thoại trong khoảng 1.5 phút (khoảng 160 – 180 từ) để trả lời các dạng câu hỏi có liên quan đến các chủ đề. - Gender equality (unit 6) <i>(True/False)</i>	Nhận biết: - Nghe lấy thông tin chi tiết về các chủ điểm đã học.	2								2		
			Thông hiểu: - Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại / hội thoại điểm tìm câu trả lời đúng.			1							1	
			Vận dụng: - Nắm được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp. - Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai điểm tìm câu trả lời đúng.					1					1	

		2. Nghe một đoạn hội thoại/ đọc thoại khoảng 1.5 phút (khoảng 160 – 180 từ) liên quan đến các chủ đề nêu trên. - New way to learn (unit 8) (<i>MCQs</i>)	Nhận biết: - Nghe lấy thông tin chi tiết về các chủ điểm đã học.	2								2	
			Thông hiểu: - Hiểu nội dung chính của đoạn đọc thoại / hội thoại để tìm câu trả lời đúng.			1						1	
			Vận dụng: - Nắm được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp. - Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng.					1				1	
II.	LANGUAGE	Vocabulary Từ vựng theo các chủ điểm liên quan đến: Các từ và cụm từ liên quan các chủ đề trong các UNITS 6,7,8, 9,10	Nhận biết: - Nhận ra/nhớ lại/liệt kê được các từ vựng theo chủ điểm đã học.	2								2	
			Thông hiểu: - Hiểu, phân biệt được các từ loại theo chủ điểm đã học. - Nắm được các mối liên kết của từ trong ngữ cảnh, bối cảnh tương ứng.			1						1	

			Vận dụng: - Vận dụng được từ vựng đã học vào các kỹ năng.					1					1		
		Grammar <i>Các kiến thức ngữ pháp:</i> 1. <i>Passive voice with modals (unit 6)</i> 2. <i>Comparative and superlative adjectives (unit 7)</i> 3. <i>Relative clauses: defining and non-defining relative clauses with who, that, which and whose. (unit 8)</i> 4. <i>Reported speech (unit 9)</i> 5. <i>Conditional sentences type 1&2 (unit 10) (MCQs)</i>	Nhận biết: - Nhận ra các kiến thức ngữ pháp đã học.	1									1		
			Thông hiểu: - Hiểu và phân biệt các kiến thức ngữ pháp.				1							1	
			Vận dụng: - Vận dụng những kiến thức ngữ pháp đã học vào bài viết / nghe / đọc.						1		1			2	
III. READING		1. Reading comprehension Hiểu được bài đọc có độ dài khoảng 200-230 từ về các chủ đề: liên quan các chủ đề trong các UNITS 6,7,8, 9,10 <i>(Cloze test MCQs)</i>	Nhận biết: - Nhận ra các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản.	2									2		
			Thông hiểu: - Phân biệt được các đặc điểm, đặc trưng của các								1			1	

			thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản,										
			Vận dụng: - Sử dụng được kiến thức kỹ năng trong các tình huống mới.					1					1
		2. Reading comprehension Hiểu được nội dung chính và nội dung chi tiết đoạn văn bản có độ dài khoảng 200-230 từ, xoay quanh các chủ điểm: liên quan các chủ đề trong các UNITS 6,7,8, 9,10 <i>(MCQs)</i>	Nhận biết: - Nhận biết các thông tin chi tiết trong bài đọc.	2									2
			Thông hiểu: - Hiểu ý chính của bài đọc.			1							1
			Vận dụng: - Đoán nghĩa của từ trong văn cảnh. - Phân tích, tổng hợp ý chính của bài đọc để chọn câu trả lời phù hợp.					1					1
IV. WRITING		Rewrite the sentence without changing the meaning 1. Passive voice with modals (unit 6)	Nhận biết: - Nhận diện dùng từ, cấu trúc, cú pháp trong các bài thông qua chia động từ có liên quan đến các chủ điểm ngữ pháp đã học trong học kì 2		1				1				2

	<p>2. Comparative and superlative adjectives (unit 7)</p> <p>3. Relative clauses: defining and non-defining relative clauses with who, that, which and whose. (unit 8)</p> <p>4. Reported speech (unit 9)</p> <p>Conditional sentences type 1&2 (unit 10)</p>	<p>Thông hiểu:</p> <p>- Hiểu và sử dụng điểm ngữ pháp dựa trên các chủ điểm ngữ pháp đã học ở Unit 6,7,8, 9,10</p>				1				1		2
Tổng			12	1	6	1	6	1	1	1	24	4

Lưu ý:

- Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

- Số câu hỏi mang tính đề xuất và do ban biên soạn xác định cụ thể khi xây dựng đề kiểm tra.